TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 2 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I

MÔN TOÁN – KHỐI 2

PHIẾU SỐ 33

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số thích hợp điền vào chỗ chấm trong dãy: 16, 22, 28, 34, ……, 46

A. 40 **B.** 46 **C.** 39 **D.** 41

Câu 2. Từ ba chữ số 0, 4, 8 lập được bao nhiêu số có hai chữ số khác nhau?

A. 4 **B.** 9 **C.** 3 **D.** 6

Câu 3. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: …… + 29 = 54

A. 34 **B.** 35 **C.** 25 **D.** 15

Câu 4. Kết quả của phép tính 38 + 30 + 32 là:

A. 100 **B.** 98 **C.** 110 **D.** 90

Câu 5. Ngày 8 tháng 12 là thứ Tư. Ngày 15 tháng 12 cũng là thứ mấy?

A. thứ Sáu **B.** thứ Bảy **C.** thứ Tư **D.** thứ Năm

Câu 6. Độ dài đường gấp khúc ABCDE là:

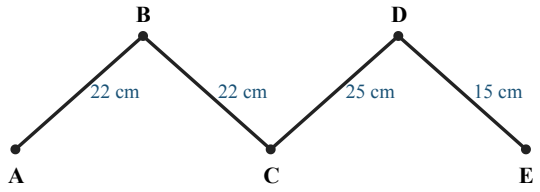

A. 94 cm **B.** 84 cm **C.** 74 cm **D.** 69 cm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho các số: 21, 15, 71, 49, 51.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé: ……

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: ……

Bài 2. Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) 54 − …… = 37

b) …… − 26 = 56

c) 29 + …… = 56 − 7

d) 49 + …… = 70

Bài 3. Tính:

a) 75 − 7 − 37 = ……

b) 45 + 7 − 6 = ……

c) 61 + 30 − 18 = ……

d) 26 kg + 33 kg − 26 kg = …… kg

Bài 4. Quan sát hai đồng hồ rồi viết vào chỗ chấm:





a) Đồng hồ thứ nhất chỉ …… giờ …… phút

b) Đồng hồ thứ hai chỉ …… giờ …… phút

Bài 5. Quan sát hình vẽ rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

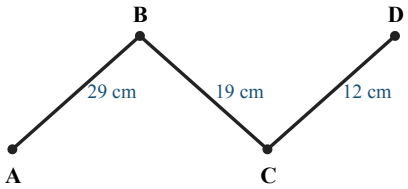

a) Độ dài đường gấp khúc ABCD là: …… cm

b) Đổi ra đề-xi-mét: …… dm

Bài 6. Bao thứ nhất có 63 kg gạo. Người ta lấy từ bao thứ nhất ra 29 kg rồi đổ thêm vào đó 8 kg gạo. Hỏi bao thứ nhất lúc này có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Sau khi lấy ra, bao còn: …… kg

b) Lúc này bao có: …… kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 2 · Phiếu số 33

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	A	C	A	C	B

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 71, 51, 49, 21, 15

b) 71 − 15 = 56

Bài 2.

a) 54 − 37 = 17

b) 56 + 26 = 82

c) 56 − 7 = 49; 49 − 29 = 20

d) 70 − 49 = 21

Bài 3.

a) 75 − 7 = 68; 68 − 37 = 31

b) 45 + 7 = 52; 52 − 6 = 46

c) 61 + 30 = 91; 91 − 18 = 73

d) 26 + 33 = 59; 59 − 26 = 33

Bài 4.

a) 4 giờ 30 phút (hay 4 giờ rưỡi)

b) 7 giờ 15 phút

Bài 5.

a) 29 + 19 + 12 = 60 (cm)

b) 60 cm = 6 dm

Bài 6.

63 − 29 = 34 (kg)

34 + 8 = 42 (kg)